

ĐA DẠNG THỰC VẬT CHO LÂM SẢN NGOÀI GỖ TẠI RỪNG ĐẶC DỤNG – PHÒNG HỘ SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

PGS.TS Cao Đình Sơn^{1*}, TS Nguyễn Thành Sơn¹, ThS Đinh Văn Thái¹, KS Nguyễn Văn Vinh²

¹ Trường Đại học Tây Bắc

² Chi cục Kiểm Lâm Sơn La

Tóm tắt: Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) là một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái rừng, có vai trò quan trọng trong đời sống, văn hóa và phát triển kinh tế. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu xác định tính đa dạng về thành phần loài và các bậc taxon, dạng sống, bộ phận sử dụng, giá trị sử dụng các loài lâm sản ngoài gỗ tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phỏng vấn, điều tra tuyến và ô tiêu chuẩn (OTC), giám định loài, phân tích đa dạng, và nhóm giá trị sử dụng. Kết quả nghiên cứu ghi nhận 332 loài, 246 chi, 110 họ, thuộc 5 ngành thực vật là: Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ tháp bút (Equisetophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Những loài LSNG đã được người dân địa phương sử dụng với 9 nhóm công dụng khác nhau. Lá, thân, quả và hoa là các bộ phận được sử dụng phổ biến nhất; các loài LSNG có dạng sống là cây cỏ, cây bụi là những dạng sống thường được người dân khai thác và sử dụng.

Từ khóa: Lâm sản ngoài gỗ, Đa dạng, Công dụng, Sốp Cộp, Sơn La

* Email: soncd@utb.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp được thành lập theo Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La có diện tích 22.768,71 ha nằm trên phần đất 2 huyện Sốp Cộp và Sông Mã. Rừng đặc dụng nằm trên phạm vi địa giới hành chính 6 xã, gồm: Púng Bánh, Sốp Cộp, Dồm Cang huyện Sốp Cộp; Huổi Một, Mường Cai, Nậm Mẩn huyện Sông Mã. Rừng phòng hộ thuộc phạm vi địa giới hành chính 3 xã của huyện Sốp Cộp, gồm: Mường Lạn, Mường Và và Nậm Lạnh. Với chức năng chính là quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng; bảo tồn, phát huy các giá trị đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật; bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái, các giá trị văn hóa, lịch sử; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và phát triển sinh vật; giáo dục nâng cao nhận thức môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng; phát triển du lịch sinh thái [16].

Lâm sản ngoài gỗ là một tiềm năng to lớn của tài nguyên rừng ở nước ta. Bên cạnh các giá trị về kinh tế và giá trị sử dụng, LSNG còn có vai trò rất quan trọng đối với công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường sinh thái. Truyền thống từ xưa đến nay, người dân sống trong rừng và gần rừng thường phụ thuộc vào tài nguyên rừng, họ khai thác lâm sản để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, từ khi khu Rừng đặc dụng và phòng hộ Sốp Cộp được thành lập thì việc quản lý các loài lâm sản và lâm sản ngoài gỗ được tiến hành chặt chẽ hơn, đất canh tác nương rẫy bị thu hẹp... trong khi đó khu vực này là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số: Lào, Thái, Mông, Khơ mú. Cuộc sống của người dân nơi đây phụ thuộc rất rõ vào tài nguyên rừng, nhất là nguồn LSNG là chủ yếu. Tại khu vực các hoạt động khai thác và buôn bán LSNG là hoạt động thường xuyên mang tính không bền vững, rất nhiều loài LSNG đã cạn kiệt, không còn để khai thác mặc dù trước đây có rất nhiều với trữ lượng lớn.

Từ khi Rừng đặc dụng và phòng hộ Sốp Cộp được thành lập đã có một số nghiên cứu về đa dạng đa dạng thực vật nói chung và một số nhóm LSNG nói riêng. Tuy nhiên, những nghiên cứu này thường nhỏ lẻ, các số liệu thu được chưa thật đầy đủ và không đồng bộ [9, 10], trong nghiên cứu của Đào Thị Mai Hồng, Trần Quang Khải [6] khi nghiên cứu về kiến thức bản địa về sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại khu rừng đặc dụng Sốp Cộp đã thống kê được 70 loài cho LSNG, nhưng số lượng này so với thực tế còn thấp. Vì vậy, cần có một nghiên cứu đánh giá cụ thể về nguồn tài nguyên LSNG tại khu vực. Nghiên cứu thực vật cho LSNG tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp được thực hiện để đánh giá về nguồn tài nguyên LSNG tại khu vực là cơ sở cho Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thực vật cho lâm sản ngoài gỗ tại khu vực nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp kế thừa

Kế thừa kinh nghiệm sử dụng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ của cộng đồng người dân, các tài liệu liên quan đến nghiên cứu, có chọn lọc và đánh giá.

Phương pháp phỏng vấn

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu thực vật học dân tộc của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007)[15] để thu thập các thông tin về thành phần loài và giá trị sử dụng của cộng đồng người dân ở khu vực nghiên cứu. Trong đó, đối tượng được chọn phỏng vấn gồm 180 người, là những người có nhiều kinh nghiệm về sử dụng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ.

Phương pháp điều tra thực địa

Sau khi khảo sát sơ bộ, chúng tôi đã tiến hành điều tra thực địa theo 6 tuyến và các ô tiêu chuẩn (ÔTC) diện tích 500m²/ÔTC để thu thập, điều tra đặc điểm hình thái, sinh thái, sinh trưởng của các loài LSNG nhằm phục vụ việc giám định tên khoa học và xây dựng danh lục thành phần loài tại khu vực nghiên cứu.

Các mẫu vật được thu thập và xử lý theo phương pháp nghiên cứu thực vật của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [15].

Phương pháp xử lý số liệu

Căn cứ kết quả điều tra thực địa và phỏng vấn các bên liên quan, tất cả các mẫu vật thu được trong quá trình điều tra được giám định tên loài. Các tài liệu được sử dụng để định loài gồm: Tên cây rừng Việt Nam [3], Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật Hạt kín ở Việt Nam [1] Cây cỏ Việt Nam [5], 1900 cây có ích [12], Tài nguyên cây gỗ Việt Nam [7]

Phân chia và xác định dạng sống cũng như giá trị sử dụng của thực vật cho lâm sản ngoài gỗ dựa vào kết quả điều tra thực tế tại cộng đồng kết hợp với các tài liệu: Tên cây rừng Việt Nam[3], Cây cỏ Việt Nam [5], Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam [8], Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [11], 1900 cây có ích [12], Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật [14], Từ điển cây thuốc Việt Nam [4].

Đánh giá mức độ nguy cấp, quý, hiếm theo Sách đỏ Việt Nam - Phần II – Thực vật [2], Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ và Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam [13]

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đa dạng về thành phần loài và các bậc taxon

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thực vật cho LSNG tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp có tính đa dạng sinh học cao với 332 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 110 họ, 246 chi, 5 ngành gồm: Thông đất, Cỏ tháp bút, Dương xỉ, Thông và Ngọc lan. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.1.

Bảng 3.1. Thành phần loài thực vật cho lâm sản ngoài gỗ phân bố ở các taxon

TT	Ngành		Loài		Chi		Họ	
	Tên phổ thông	Tên khoa học	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
I	Thông đất	Lycopodiophyta	5	1,50	2	0,81	2	1,82
II	Cỏ tháp bút	Equisetophyta	1	0,30	1	0,41	1	0,91
III	Dương xỉ	Polypodiophyta	17	5,13	15	6,10	11	10,00
IV	Thông	Pinophyta	2	0,60	2	0,81	2	1,82
V	Hạt kín	Magnoliophyta	307	92,47	226	91,87	94	85,45
1	Lớp hai lá mầm	Magnoliopsida	231	69,58	179	72,76	75	68,18
2	Lớp một lá mầm	Liliopsida	76	22,89	47	19,11	19	17,27
	Tổng		332	100	246	100	110	100

Qua bảng trên ta thấy ngành cỏ tháp bút có tỷ lệ thấp nhất có 1 loài chiếm 0,3% tổng số loài LSNG được sử dụng. Ngành Ngọc Lan là ngành cho LSNG chiếm ưu thế nhiều nhất trong toàn hệ thực vật cho LSNG được ghi nhận tại khu vực nghiên cứu chiếm 92,47% tổng số loài, 91,87% tổng số chi và 85,45% tổng số họ (số lượng loài cho LSNG

là 332 loài so với nghiên cứu [6] nhiều hơn 262 loài).

Đa dạng về dạng sống

Dạng sống là kết quả thích nghi lâu dài của sinh vật với điều kiện môi trường sống. Việc xác định dạng sống của các loài LSNG giúp định hướng trong việc khai thác, sử dụng và gây trồng, chúng một cách hợp lý. Kết quả được thể hiện qua bảng 3.2.

Bảng 3.2. Đa dạng về dạng sống của thực vật cho lâm sản ngoài gỗ

TT	Nhóm công dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Cỏ dựa (COD)	120	36,14
2	Bụi (BUI)	67	20,18
3	Cỏ leo (COL)	42	12,65
4	Gỗ nhỏ (GON)	27	8,13
5	Gỗ trung bình (GOTB)	20	6,02
6	Gỗ lớn (GOL)	18	5,42
7	Thân tre (TRE)	14	4,22
8	Bụi trườn (BTR)	13	3,61
9	Thân cau dừa (CAU)	6	1,81
10	Dây leo thân gỗ (DLG)	5	1,51
Tổng		332	100%

Kết quả bảng 3.2 đã ghi nhận 10 dạng sống (tại nghiên cứu [6] đưa ra 8 dạng sống với 70 loài) trong đó nhóm Cỏ dựa có số loài cao nhất 120 loài, chiếm tỷ lệ 36,14% tổng số loài; tiếp đến là nhóm Cây bụi có 67 loài, chiếm 20,18% và ít nhất là nhóm thân Dây gỗ thân leo có 5 loài, chiếm 1,51%.

Nhóm gỗ nhỏ tập trung chủ yếu ở các loài thuộc họ Đào lộn hột (Anacardiaceae) như: Dầu da xoan (*Allospondias lakonensis* (Pierre) Stapf), Điều nhuộm (*Anacardium occidentale* L.), Sơn huyết (*Melanorrhoea laccifera* Pierre), Muối (*Rhus chinensis* Muell.), Sơn ta (*Rhus chinensis* Muell.)...

Nhóm cây bụi: Ô rô núi (*Acanthus leucostachyus* Wall. ex Nees), Thanh táo đại

(*Justicia equitans* R.Ben.), Ba gạc Ấn Độ (*Rauwolfia serpentina* Benth), Đơn châu chấu (*Aralia armata* (Wall.ex G.Don). Seem.), Cơm cháy (*Sambucus javanica* Lindl.), Lục lạc kim (*Crotalaria acicularis* Buch. - Ham ex Benth.)...

Nhóm cây gỗ lớn như: Sau sau (*Liquidambar formosana* Hance), Xoan nhừ (*Choerospondias axillaris* (Roxb.) Burtt. & Hill), Giỏi xanh (*Magnolia mediocris* Dandy), Nhân rừng (*Dimocarpus fumatus* (Blume) Leenh.), Hồng (*Paulownia fortunei* (Seem.) Hemsl.)...

Nhóm cây gỗ trung bình như: Dương đào Trung Quốc (*Actinidia chinensis* Planch), Bứa núi (*Garcinia oblongifolia* Champ. ex

Benth.), Sòi tía (*Sapium discolor* (Champ. ex Benth.) Muell-Arg.), Bàng lằng đồ (*Lagerstroemia balansae* Koehne), Trâm tía (*Syzygium brachyata* Roxb), Săng nhung (*Sterculia lanceolata* Cav.)...

Nhóm dây leo thân gỗ: Móc mèo (*Caesalpinia bonduc* (L.) Roxb.), Dây gắm lá bé (*Gnetum montanum* Markgf.), Câu đặng lá nhỏ (*Uncaria rhynchophylla* (Miq.) Miq.ex Havil), Câu đặng lá thon (*U. lancifolia* Hutch.) và Dây na rừng (*Kadsura coccinea* (Lem)A.C.Smith).

Những loài có dạng sống thân tre, tập trung chủ yếu ở các loài trong họ Cỏ (Poaceae) như: Giang (*Ampelocalamus patellaris* (Gamb.) Stapleton), Tre gai (*Bambusa bambos* (L.) Voss), Mây hồ (*Dendrocalamus giganteus* Munro), Vầu đặng (*Indosasa angustata* McClure), Vầu ngọt (*Indosasa parvifolia* C.S.Chao & Q.H.Dai)...

Nhóm Cỏ dựa như: Quyền bá (*Selaginella argentea* (Wall. Ex Hook. Grex.) Spring), Tổ điều (*Asplenium affine* Sw.), Lông cu li (*Cibotium barometz* (L.) J. Smith), Seo gà (*Pteris biaurita* L.), Bạch hạc (*Rhinacanthus narsutus* (L.) Kurz), Đơn buốt năm lá (*Bidens bipinnata* L.), Nhân trần (*Acrocephalus indicus* (Burm.f.)Kuntzz), Sâm đất (*Talinum paniculatum* (Jacq.) Gaertn.), Đơn núi (*Ixora balansae* Pitard)...

Nhóm thân Cau dừa: Búng báng (*Arenga pinnata* (Wurmb) Merr.), Song mật (*Calamus platycanthus* Warb. & Becc.), Song đá (*Calamus rudentum* Lour), Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance), Đùng đình (*Calamus mitis* Lour.) và Cọ (*Livistona saribus* (Lour.) Merr. ex A.Chev.).

Nhóm Cỏ leo như: Thông đất thường (*Lycopodium cernuum* L.), Dây bông xanh (*Thumbergia grandiflora* (Roxb. ex Rottl.) Roxb.), Cầm cù nhiều hoa (*Hoya multiflora* Blume), Bìm bịp tím (*Pharbitis purpurea* (L.) Voigt)...

Nhóm loài Bụi trườn như: Ráy leo lá to (*Epipremnum giganteum*), Củ mài (*Dioscorea alata* L.), Khúc khúc (*Heterosmilax gaudichaudiana* (Kunth) Maxim.), Kim cang nhiều tán (*Smilax elegantissima* Gagnep.), Bách bộ (*Stemona cochinchinensis* Gagnep.), Củ ba mươi (*Stemona tuberora* Lour.)...

Đa dạng về bộ phận sử dụng

Thông qua kết quả phỏng vấn những người dân có kinh nghiệm và cán bộ tại khu vực nghiên cứu kết hợp điều tra trên các tuyến và ÔTC nhận thấy các bộ phận của thực vật ngoài gỗ được các cộng đồng nơi đây sử dụng khá đa dạng. Sự đa dạng đó được thể hiện qua bảng 3.3.

Bảng 3.3. Đa dạng các bộ phận sử dụng của thực vật cho lâm sản ngoài gỗ

TT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Lá	108	32,53
2	Thân	84	25,30
3	Toàn thân	78	23,49
4	Quả và hạt	72	21,69
5	Rễ	21	6,33
6	Hoa	11	3,31
7	Củ	9	2,71
8	Nhựa	4	1,20
9	Vỏ cây	4	1,20

Chú thích: Tổng số lượt loài lớn hơn số loài thực tế do một loài có thể sử dụng được nhiều bộ phận khác nhau.

Qua bảng 3.3 cho thấy, có 9 bộ phận của thực vật cho lâm sản ngoài gỗ được cộng đồng người dân sử dụng (với nghiên cứu [6] đưa ra 8 bộ phận sử dụng) bao gồm: lá, toàn thân, thân, vỏ, rễ, củ, hoa, nhựa, quả và hạt. Trong đó lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất có số loài là 108 chiếm 32,53%.

Những loài sử dụng lá như: Tóc thần vẹ nữ (*Adiantum cappillus-veneris* L.), Tổ điều (*Asplenium affine* Sw.), Cát đặng thơm (*Thumbergia fragrans* Roxb.), Thâu lĩnh vảy (*Alphonsea squamosa* Fin. & Gagnep.)....

Những loài sử dụng thân và toàn thân như: Thạch tùng (*Lycopodium casuarinoides*

Spring), Cốt toái nhỏ (*Colysis bonii* Ching), Ô rô núi (*Acanthus leucostachyus* Wall. ex Nees),....

Những loài sử dụng quả và hạt như: Dầu da xoan (*Allospondias lakonensis* (Pierre) Stapf), Sầu (*Dracontomelon duperreanum* Pierre), Ba gạc lá vòng (*Rauvolfia verticillata* (Lour.) Baill.), Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz).

Những loài sử dụng hoa như: Rà đẹt lửa (*Radermachera ignea* (Kurz.) Steen), Hòe (*Sophora japonica* L.), Cát đặng thơm (*Thumbergia fragrans* Roxb.).

Loài lấy nhựa: Sơn ta (*Toxicodendron succedanea* (L.) Mold.), Sữa (*Alstonia scholaris* (L.) R.Br.), Cánh kiến (*Styrax Tonkinensis* (Pier.) Craib), Sòi tía (*Sapium discolor* (Champ. ex Benth.) Muell-Arg.).

Những loài lấy vỏ cây như: Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz), Thị rừng (*Diospyros spirophylla* H. Lec), Me rừng (*Phyllanthus emblica* L.), Táo rừng (*Ziziphus oenoplia* (L.) Mill).

Những loài lấy rễ, thân rễ và củ như: Thôi ba (*Alangium chinense* (Lour.) Harms), Tam

thất hoang (*Panax stipuleanatus* H.T.Tsai et K.M.Feng), Củ đậu (*Pachyrhizus erosus* (L.) Urb.), Sắn dây rừng (*Pueraria montana* (Lour.) Merr.), Bình vôi hoa đầu (*Stephania cepharantha* Hayata)...

Đa dạng về nhóm công dụng

Căn cứ vào kết quả phỏng vấn và điều tra thực địa kết hợp với các tài liệu công bố về công dụng của các loài LSNG nhóm nghiên cứu đã xác định được 332 loài LSNG tại khu vực nghiên cứu thành 9 nhóm công dụng khác nhau. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.4.

Bảng 3.4. Đa dạng về nhóm công dụng của thực vật cho lâm sản ngoài gỗ

TT	Nhóm công dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Dược liệu	268	80,72
2	Làm cảnh	75	22,59
3	Thức ăn	73	21,99
4	Sợi	31	9,34
5	Tinh dầu	13	3,92
6	Khác	12	3,61
7	Nhựa và dầu béo	11	3,31
8	Gia vị	11	3,31
9	Tanin và chất nhuộm	8	2,41

Qua bảng 3.4 ta thấy: thực vật làm dược liệu có số loài cao nhất 268 loài, chiếm tỷ lệ 80,72% tổng số loài; nhóm thực vật làm cảnh có 75 loài, chiếm tỷ lệ 22,59%; 73 loài làm thức ăn (làm rau, lấy quả, củ, hạt để ăn), chiếm 21,99%; nhóm cho sợi có 31 loài, chiếm tỷ lệ 9,34%; 13 loài cho tinh dầu chiếm tỷ lệ 3,92%; nhóm cho giá trị khác có 12 loài, chiếm tỷ lệ 3,31%; nhóm nhựa và dầu béo có 11 loài, chiếm tỷ lệ 3,31%; 11 loài cho gia vị, chiếm 3,31%; nhóm cho tanin và chất nhuộm có 8 loài, chiếm tỷ lệ 2,41%. (nghiên cứu [6] mới đưa ra được 4 nhóm chính là: thức ăn, dược liệu, tinh dầu, nhuộm nhưng số loài còn khá khiêm tốn)

Những loài dùng để làm thuốc như: Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus* H.T.Tsai et K.M.Feng), Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas* (Lour.) Merr.), Thảo quyết minh (*Sena tora* (L.) Roxb.), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook.f.& Thoms)...

Những loài dùng làm cảnh đáng chú ý là: Tuế lá xẻ (*Cycas micholitzii* Dyer), Thu hải đường balansa (*Begonia balansaeana* Gagnep.), Ban trắng (*Bauhinia variegata* L.), Nhội (*Bischofia javanica* Blume), Mua rừng trắng (*Blastus cochinchinensis* Lour.)...

Những loài dùng làm thức ăn như: Dón (*Callipteris esculenta* (R&z) J.Sm), Rau má (*Centlla asiatica* (L.) Urb. In Mart.), Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz), Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Yakovl.), Me (*Tamarindus indica* L.).

Hai họ có nhiều loài được sử dụng phổ biến trong đan lát hàng thủ công mỹ nghệ là họ Cau dừa (*Arecaceae*) có 6 loài và họ Cỏ (*Poaceae*) có 19 loài. Cụ thể, đáng chú ý là Song mật (*Calamus platycanthus* Warb. & Becc.), Song đá (*Calamus rudentum* Lour), Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance), Giang (*Ampelocalamus patellaris* (Gamb.) Stapleton), Tre gai (*Bambusa bambos* (L.) Voss), Mây bói (*Bambusa burmania* Gambe), Bương phần (*Dendrocalamus aff. pachystachys* Hsueh & D.Z. Li), Luồng (*Dendrocalamus barbatus* Hsueh & D.Z.Li), Mây hộc (*Dendrocalamus giganteus* Munro), Vầu đắng (*Indosasa angustata* McClure)...

Những loài dùng làm hương liệu hoặc chưng cất tinh dầu: Hương nhu trắng (*Ocimum gratissimum* L.), Hương nhu tía (*Ocimum tenuiflorum* L.), Màng tang (*Litsea cubeba* (Lour.) Pers.), Cam thảo nam (*Scoparia dulcis* L.), Thảo quả (*Amomum aromaticum* Roxb.)...

Những loài cho nhựa và dầu béo như: Trầu hoa to (*Vernicia fordii* (Hemsl.) Airy-Shaw), Hương bài (*Dianella ensifolia* (L.) DC.), Bộp lông (*Actinodaphne pilosa* (Lour.) Merr), Bời lời nhót (*Litsea glutinosa* (Lour) C.B.Roxb.)...

Những loài cho gia vị như: Giỏi xanh (*Magnolia mediocris* Dandy), Mắc khén (*Zanthoxylum rhetsa* (Roxb.) DC.), Muối (*Rhus chinensis* Muell.), Riềng dài lông mép (*Alpinia blepharocalyx* K. Schum.), Thảo quả

(*Amomum aromaticum* Roxb), Sa nhân hai hoa (*Amomum xanthoides* Wall)...

Những loài cho tanin và nhuộm như: Điều nhuộm (*Anacardium occidentale* L.), Trầu rừng (*Piper baccatum* Blume), Củ nâu (*Dioscorea cirrhosa* Lour)...

Các loài LSNG quý hiếm tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp

Qua phỏng vấn người dân và điều tra thực địa, căn cứ vào Sách đỏ Việt Nam (2007),

Bảng 3.5. Danh lục các loài LSNG quý hiếm tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp

Stt	Tên khoa học	Tên phổ thông	Mức độ đe dọa	
			SĐVN (2007)	NĐ 06/2019
1	<i>Drynaria bonii</i> H.Christ	Tắc kè đá	VU	IIA
2	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.)	Cốt toái bồ	EN	IIA
3	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Smith	Lông cu li		IIA
4	<i>Cycas micholitzii</i> Dyer	Tuế lá xẻ		IIA
5	<i>Panax stipuleanatus</i> H.T.Tsai et K.M.Feng	Tam thất hoang	VU	IA
6	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f.&T	Đảng sâm		IIA
7	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl.	Trám đen	VU	IIA
8	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	Lá khô	VU	
9	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan Kim tuyến	EN	IA
10	<i>Polygonatum kingianum</i> Collett & Hemsl.	Hoàng tinh hoa đỏ		IIA
11	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh hoa trắng		IIA
12	<i>Fibraurea tonctoria</i> Luor.	Hoàng đằng		IIA

Chú thích: EN: Nguy cấp; VU: Sắp nguy cấp

4. KẾT LUẬN

Thành phần loài cây cho LSNG tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp có tính đa dạng cao với 332 loài, thuộc 246 chi, 110 họ, 5 ngành thực vật.

Thực vật LSNG tại Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp được chia thành 10 nhóm dạng sống khác nhau. Trong đó, nhóm Cỏ dứa có số loài cao nhất 120 loài, chiếm tỷ lệ 36,14% tổng số loài; tiếp đến là nhóm Cây bụi có 67 loài, chiếm 20,18% và ít nhất là nhóm thân Dây gỗ thân leo có 5 loài, chiếm 1,51%.

Trong tổng số 332 loài thực vật cho LSNG, lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 108 loài chiếm tỷ lệ 32,43% tổng số loài. Bên cạnh đó, số loài được sử dụng thân, toàn thân quả và hạt cũng chiếm tỷ lệ khá cao, bộ phận được sử dụng ít nhất là nhựa và vỏ cây với 4 loài chiếm 1,2% tổng số loài.

Nghị định 06/NĐ-CP/2019 ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp chúng tôi đã xác định được 12 loài thực vật quý hiếm cần ưu tiên bảo tồn tại khu vực nghiên cứu. Kết quả được tổng hợp trong bảng 3.5.

332 loài thực vật cho LSNG được chia thành 9 nhóm công dụng. Trong đó, nhóm thực vật làm dược liệu có số loài cao nhất 268 loài, chiếm tỷ lệ 80,72% tổng số loài; nhóm thực vật làm cảnh có 75 loài, chiếm tỷ lệ 22,59%; 73 loài làm thức ăn (làm rau, lấy quả, củ, hạt để ăn), chiếm 21,99%; nhóm cho sợi có 31 loài, chiếm tỷ lệ 9,34%; 13 loài cho tinh dầu chiếm tỷ lệ 3,92%; nhóm cho giá trị khác có 12 loài, chiếm tỷ lệ 3,31%; nhóm nhựa và dầu béo có 11 loài, chiếm tỷ lệ 3,31%; 11 loài cho gia vị, chiếm 3,31%; nhóm cho tanin và chất nhuộm có 8 loài, chiếm tỷ lệ 2,41%.

Trong khu vực nghiên cứu nhóm tác giả đã xác định được 12 loài quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam và trong nghị định 06/NĐ-CP/2019 ngày 22 tháng 01 năm 2019 đây chính là cơ sở để Ban quản lý Rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp bảo tồn và phát triển các loài quý hiếm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bân. 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ. 2007. Sách Đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật. Nxb. KHTN & CN, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2000. Tên cây rừng Việt Nam, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Võ Văn Chi. 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb. Y học, Hà Nội, tập 1, 2.
5. Phạm Hoàng Hộ. 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tập 1, 2, 3.
6. Đào Thị Mai Hồng, Trần Quang Khải. 2017. Kiến thức bản địa về sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại khu rừng đặc dụng Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Tạp chí khoa học Trường Đại Học Tây Bắc. Khoa học Tự nhiên và công nghệ, số 10(9/2017) tr. 61 - 71.
7. Trần Hợp. 2003. Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Triệu Văn Hùng. 2007. Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam. Nxb. Bản đồ, Hà Nội.
9. Vũ Thị Liên, Nguyễn Thị Quyên, Đỗ Hữu Thư. 2019. Thành phần loài và dạng

sống thực vật cho tinh dầu ở Khu bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp tỉnh Sơn La. Tạp chí Đại học quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tập 35, số 3 (2019) tr. 39- 46

10. Vũ Thị Liên, Sòng A Đậu, Lèo Văn Nghĩa. 2021. Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc được cộng đồng dân tộc Khơ Mú sử dụng tại rừng Đặc dụng-Phòng hộ Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Tạp chí Đại học quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tập 37, số 2 (2021) tr. 46-59

11. Đỗ Tất Lợi. 2009. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb. Y học, Hà Nội.

12. Trần Đình Lý. 1995. 1900 loài cây có ích. Nxb. Thế giới, Hà Nội.

13. Nguyễn Tập. 2007. Cẩm nang Cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam. Viện Dược liệu, 23 trang.

14. Nguyễn Nghĩa Thìn. 1997. Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

15. Nguyễn Nghĩa Thìn. 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb. ĐH Quốc gia, Hà Nội.

16. UBND tỉnh Sơn La. 2018. Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La Về việc thành lập Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

ECODIVERSITY FOR FORESTRY PRODUCTS OTHER THAN WOOD IN SPECIAL-USE FORESTS - SOP COP, SON LA PROVINCE

Cao Đình Sơn¹, Nguyen Thanh Sơn¹, Dinh Van Thai¹, Nguyen Van Vinh²

¹ Tay Bac University

² Sonla Forest Protection Department

Abstract: Non-timber products - an important part of the ecosystem- have a significant role in local livelihood, culture, and economic development. This research is conducted to assess the diversity of species composition and taxons, their life forms, used parts, and the value of non-timber products of Sop Cop Special-Use forest. Methods employed in the study include interview, quadrat, species identification, diversity analysis, and usage value classification. The research recorded 332 species, 246 genera, and 110 families belonging to 5 plant phyla: Lycopodiophyta, Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta, and Magnoliophyta. The non-timber products exploited by the locals have 9 different functions. Leaves, stems, fruits, and blooms are the most commonly used parts; the non-timber products' life forms encompass Grass and Shrubs, which are being exploited and utilized by the people.

Keywords: non-timber forest products, diversity, uses, Sop Cop, Son La.

Ngày nhận bài: 06/09/2021. Ngày nhận đăng: 22/10/2021.

Liên lạc: Cao Đình Sơn, e - mail: soncd@utb.edu.vn